

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2011

Báo cáo gồm có:

1. Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DN
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03-DN
4. Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LẦN 1

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100+110+120+130+140+150)	100		1.539.581.013.392	1.674.657.163.743
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.054.665.996	363.239.724.897
1. Tiền	111	V.01	10.054.665.996	13.324.858.009
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	349.914.866.888
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	242.313.482.361	66.867.853.419
1. Đầu tư ngắn hạn	121		252.786.119.380	66.867.853.419
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(10.472.637.019)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		603.080.444.758	582.176.192.277
1. Phải thu khách hàng	131		393.367.876.536	376.963.295.484
2. Trả trước cho người bán	132		160.248.811.963	203.980.790.897
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HEAD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	46.800.534.768	12.099.331.479
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(336.578.531)	(1.467.225.560)
IV. Hàng tồn kho	140		631.180.356.615	587.377.623.456
1. Hàng tồn kho	141	V.04	631.180.356.615	588.580.306.513
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(1.211.683.058)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.952.083.863	64.995.769.725
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		169.686.668	603.433.495
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.878.196.935	14.966.472.494
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	159		35.904.180.050	49.436.863.736
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200+210+220+240+250+260)	200		686.358.504.777	432.587.507.048
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		118.947.608.296	144.293.222.469
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	104.654.094.099	120.942.004.641
- Nguyên giá	222		236.454.488.035	234.731.094.381
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(131.800.402.936)	(113.789.089.740)

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1.422.413.880	2.794.931.279
- Nguyên giá	225		2.794.252.001	4.351.836.507
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.371.838.231)	(1.556.905.228)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	33.434.992	12.872.774
- Nguyên giá	228		91.230.000	59.230.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(57.795.008)	(46.357.226)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	12.837.675.395	26.548.413.775
II. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		567.140.796.521	267.929.380.628
1. Đầu tư vào công ty con	251		100.844.137.138	57.056.104.030
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		357.763.287.956	175.762.750.110
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	109.375.324.938	55.930.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(861.963.512)	(861.963.512)
V. Tài sản dài hạn khác	260		270.100.000	387.983.951
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	6.100.000	7.625.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		264.000.000	393.358.951
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.225.939.916.169	2.107.244.670.791

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
			4	5
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300-310+330)	300		1.590.264.923.993	1.322.657.239.213
I. Nợ ngắn hạn	310		1.298.524.266.783	922.372.242.770
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	703.603.826.986	594.121.534.487
2. Phải trả cho người bán	312		120.287.240.866	93.211.445.917
3. Người mua trả tiền trước	313		123.901.323.694	121.810.251.924
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	9.793.376.633	18.923.743.543
5. Phải trả người lao động	315		7.930.174.322	9.177.660.388
6. Chi phí phải trả	316	V.17	12.776.908.983	27.299.576.645
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	217.359.424.169	48.234.874.296
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.872.011.110	8.493.155.620
II. Nợ dài hạn	330		291.678.737.210	400.184.936.443
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		67.099.805.000	120.373.605.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	201.688.566.711	278.443.103.304
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.418.554.370	1.084.651.775

7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.272.809.129	283.636.364
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		725.735.494.176	784.687.431.578
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	725.611.172.637	784.541.635.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	546.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		169.300.618.000	169.300.618.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(73.426.396.613)	
5. Chính sách dành giá trị tài sản	415			
6. Chính sách tỷ giá hối đoái	416		2.633.161.821	683.345.117
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.847.338.071	20.772.836.069
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.969.920.684	3.945.569.439
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.166.532.614	43.839.237.520
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		124.321.499	145.796.443
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		124.321.499	145.796.443
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.226.939.918.169	2.107.244.670.791

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

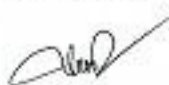
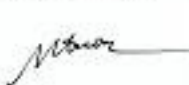
CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vặt tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ kho bãi đi xử lý		1.017.354.182	1.017.354.182
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.690,50	1.503,02
- EUR		393,66	404,56
6. Dự toán chi sử nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

NINH THỊ LUẬN

NGUYỄN NGỌC BÌNH

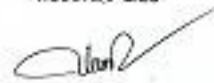
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 4 năm 2011

Đơn vị tính: VND

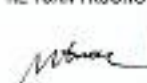
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	368.177.967.497	364.892.763.486	1.575.411.181.025	776.738.083.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	163.582.500		163.582.500	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10 = 01 - 02)	10	VI.27	357.964.484.997	364.892.763.486	1.575.227.598.525	776.738.083.872
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	353.114.589.422	358.002.491.169	1.525.421.198.897	691.143.454.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20		4.879.818.575	26.890.272.297	51.805.383.328	65.594.629.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	11.523.225.252	11.478.748.234	75.131.747.786	49.232.720.569
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	13.842.337.082	22.899.970.905	93.241.110.748	63.584.624.338
- Trong đó: CN PV/ĐV vay	23		20.858.285.718	21.478.890.987	79.209.057.265	63.578.086.351
8. Chi phí bán hàng	24		575.997.134	856.152.126	3.042.508.755	2.690.250.498
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.265.745.269	3.250.284.389	10.636.482.347	8.923.732.113
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30		718.984.362	11.552.613.111	20.018.029.264	99.628.739.790
11. Thu nhập khác	31		16.922.155	5.359.933.434	48.467.716	5.433.140.568
12. Chi phí khác	32		28.810.345	5.498.300.602	501.284.598	5.499.050.137
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(11.888.190)	(138.367.166)	(452.816.882)	(65.909.569)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		707.076.172	11.414.245.943	19.565.202.382	59.582.830.221
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	113.301.224	1.426.780.743	5.148.945.541	8.720.561.991
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		593.774.948	9.987.465.200	14.416.256.841	50.842.268.230
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

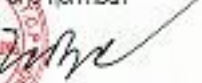


NINH THỊ LUẬN



Ngày 20 tháng 07 năm 2012

CHỖ TỊCH HỢT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI CÙNG NĂM	
			NĂM NÀY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.555.202.382	59.562.830.221
2. Điều chỉnh cho các khoản			106.430.590.856	70.707.411.646
- Khoản hao TSCĐ	02		27.811.936.031	31.687.519.081
- Các khoản dự phòng	03		8.341.989.957	(2.182.105.029)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.932.392.397)	(19.376.088.757)
- Chi phí lãi vay	06		79.209.057.268	60.578.086.391
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		125.995.793.238	130.270.241.867
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.163.646.183)	(394.878.023.816)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(43.802.733.166)	(253.384.630.514)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		188.123.161.089	60.203.940.246
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		435.271.627	893.508.864
- Tiền lãi vay đã trả	13		(149.251.404.602)	(84.220.891.513)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.245.084.070)	(2.542.143.904)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		55.736.096.767	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(59.254.602.000)	(4.801.273.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		162.562.852.906	(548.360.221.519)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(12.469.398.239)	(17.424.236.549)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		1.490.000	5.260.000.001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(227.263.190.600)	(159.415.149.819)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		41.344.924.939	256.894.389.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(211.178.507.112)	(119.033.876.869)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			7.725.000.000
7. Tiền thu từ cho vay, số lãi về lợi nhuận được chia	27		9.930.942.397	20.442.496.742
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(399.633.778.916)	(5.551.377.404)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

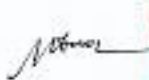
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯỠI KẾ TỬ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NÀY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			526.364.075.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(73.426.398.513)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.349.384.368.530	911.257.399.803
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.288.583.400.279)	(542.541.141.782)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(878.488.000)	(627.646.688)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.810.212.600)	(25.644.123.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.114.132.862)	868.898.562.955
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(336.185.058.871)	314.886.984.032
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		363.239.724.867	48.349.662.882
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			3.697.953
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+61)	70	31	27.054.666.996	363.239.724.867

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2012

CHỦ TỊCH HĐQT




NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phủ dờ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, H nước và điều hoà không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng, lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp đến 220KV; lắp đặt hệ thống xây dựng; hoạt động xây dựng chuyên dụng; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn hàng gốm sứ thủy tinh; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Sản giao dịch bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Môi giới bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất; đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô đun chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ rửa hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý kỹ gửi hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 100 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng KCN, khu nhà cao tầng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khoan phục vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và trần để, thấm đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, kính, vữa nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Vẽ thương mại và dịch vụ; kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản;
- Chế tạo vỏ bọc công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Vẽ xây dựng; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi; hồ điều hòa, kênh mương, kê và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo và điện hạ thế, tự điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Vẽ cơ khí và điện; chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị đẩy chuyển chế biến nông sản: củ phôi, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 3.000m³/h;

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện xong việc mua lại 10% cổ phiếu quỹ. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã mua lại 5.460.000CP.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2011 là năm tài chính thứ 6 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ DIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đơn báo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ theo chương trình kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Các đơn vị trực thuộc bao gồm:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Tuyên Quang
- Chi nhánh Thanh Hóa
- Chi nhánh Miền Trung
- Chi nhánh Hồ Chí Minh

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm,
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm,
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm,
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 6

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao áp dụng cho TSCĐ thuê tài chính (phương tiện vận tải, máy móc thiết bị) là 04 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuận và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được đóng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực số đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị đúng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xác tỷ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bù trên nguyên lý để xóa số dư vào đầu năm sau.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sẽ dùng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

Tỷ giá sẽ dùng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và nguyên tắc xác định giá vốn

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở đơn tích phí hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Đối với hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng, doanh thu được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bán giao mốc giới.

Đối với hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

Giá vốn

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xi nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng như quản cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CO ĐIỀN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

		Đơn vị tính: VND	
		Cuối kỳ	Đầu năm
1- Tiền và các khoản tương đương tiền			
- Tiền mặt		2.751.968.866	4.843.050.215
- Tiền gửi ngân hàng		7.308.100.331	8.446.333.654
- Tiền đang chuyển			35.475.000
- Các khoản tương đương tiền		17.000.000.000	340.014.868.998
Cộng		27.054.669.197	363.238.724.867
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:			
	Cuối kỳ	Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		13.776.458.480	
+ Cổ phiếu Cty CP ĐT&PT ĐT Long Giang			2.687.410
+ Cổ phiếu Cty CP Cơ điện Nghệ	773.000	13.434.208.480	773.000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội	39.693	342.250.000	29.463
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn			
- Đầu tư ngắn hạn khác		239.000.680.000	
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(10.472.637.015)	
Cộng		242.313.482.361	66.957.853.419
3- Các khoản phải thu ngắn hạn			
		Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu vó cổ phần hoá			668.900
- Phải thu vó cổ tức và lợi nhuận được chia			
- Phải thu người lao động			
- Phải thu khác:		46.800.534.768	12.898.772.579
Cộng		46.800.534.768	12.899.331.479
4- Hàng tồn kho			
		Cuối kỳ	Đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường		27.080.858.200	18.286.257.941
- Nguyên liệu, vật liệu		4.404.273	307.760.131
- Công cụ, dụng cụ		534.148.754.704	475.440.680.956
- Chi phí SX, KD dở dang		94.614.120	790.365.851
- Thành phẩm		69.725.206.973	93.643.752.338
- Hàng hóa		118.519.295	118.519.295
- Hàng gửi đi bán			
- Hàng hoá kho bảo thuế			
- Hàng hoá bất động sản			
Cộng giá gốc hàng tồn kho		621.183.366.615	588.589.306.513
5- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
		Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế GTGT còn được khấu trừ		2.878.196.935	14.956.472.494
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước			
Cộng		2.878.196.935	14.956.472.494
6- Phải thu dài hạn nội bộ			
		Cuối kỳ	Đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ			
- Phải thu dài hạn nội bộ khác			
Cộng			
7- Phải thu dài hạn khác			
		Cuối kỳ	Đầu năm
- Kỳ quỹ, kỳ được dài hạn		264.000.000	360.358.951
- Cho vay không có lãi			
- Phải thu dài hạn khác			
Cộng		264.000.000	360.358.951

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Loại mục	Khả cứu	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu năm</i>	12.465.842.629	119.837.820.315	41.894.345.919	1.743.872.538		254.131.094.381
- Mua trong kỳ		926.530.540	2.523.578.364	93.518.182		3.543.625.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12.017.425.768	2.627.092.384	1.557.584.416			14.844.518.150
- Tăng do mua lại TS thuê TC						1.557.584.416
- Chuyển sang góp vốn		(16.779.919.949)	(1.167.387.591)	(62.877.000)		(18.010.191.140)
- Thanh lý, nhượng bán				(12.142.857)		(12.142.857)
- Giảm khác						
31/12/2011	24.483.268.375	198.987.124.114	43.248.524.892	1.761.570.854		235.454.488.835
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	2.266.841.550	88.480.845.680	21.629.113.395	1.412.289.187		113.789.893.740
- Khấu hao trong kỳ	1.188.265.730	19.651.347.944	5.438.691.272	238.823.625		26.655.128.571
- Tăng do mua lại TS thuê TC		1.330.438.669				1.330.438.669
- Chuyển sang góp vốn		(9.158.862.191)	(100.360.023)	(62.877.000)		(9.962.108.193)
- Thanh lý, nhượng bán				(12.142.857)		(12.142.857)
31/12/2011	3.395.107.284	90.443.158.132	26.427.435.554	1.574.069.956		131.800.403.926
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	10.199.001.079	31.356.974.635	20.265.232.524	330.783.351		120.542.004.641
- 31/12/2011	21.128.161.091	66.525.395.982	16.821.089.338	197.477.898		184.854.934.999

9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Loại mục	Khả cứu	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính						
<i>Số dư đầu năm</i>		1.557.584.416	2.794.252.891			4.351.838.587
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(1.557.584.416)				(1.557.584.416)
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
31/12/2011			2.794.252.891			2.794.252.891
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>		1.155.188.297	368.716.931			1.565.905.228
- Khấu hao trong kỳ		162.248.272	933.121.300			1.145.369.672
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(1.330.438.669)				(1.330.438.669)
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
31/12/2011			1.371.838.231			1.371.838.231
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC						
- Tại ngày đầu năm		399.396.119	2.405.535.160			2.794.931.279
- 31/12/2011			1.422.413.866			1.422.413.866

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm;

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Loại hình	Quyển sử dụng đất	Bán quyền, tăng công chủ	Nhận hiệu hóa	Phần mềm máy tính	Phần mềm Website	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm				43.250.000	15.980.000	59.230.000
- Mua trong kỳ		14.000.000			16.000.000	32.000.000
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
31/12/2011		14.000.000		43.250.000	33.980.000	91.230.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm				43.250.000	3.187.228	46.437.228
- Khắc hao trong kỳ		3.111.111			8.326.671	11.437.782
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
31/12/2011		3.111.111		43.250.000	11.433.887	57.795.008
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
Tại ngày đầu năm					12.872.774	12.872.774
31/12/2011		10.888.889			22.546.103	33.435.022

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí XD CB dở dang

Trong đó: Những công trình lớn:

Mua sắm TSCĐ

Nhà máy cơ khí Văn Lâm - Hưng Yên

Dự án khu đô thị Văn Lâm - Hưng Yên

Dự án Thành Công - Hoà Bình

Dự án khu đô thị MECO - CITY

Cuối kỳ

12.807.675.205

Đầu năm

23.540.413.775

193.593.062

588.165.881

6.565.508.584

12.570.777.705

3.147.432.634

107.304.540

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Loại hình	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
Giá trị còn lại BĐS đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				

13- Đầu tư dài hạn khác**a. Đầu tư vào công ty con**

+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha

+ Công ty CP Đầu tư và PT Điện MECO

+ Công ty CP Thủy Điện Thác Xương

+ Công ty CP Khoáng sản MECO

+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm

Cộng**Cuối kỳ****Số lượng****Giá trị**

5.190.902

51.908.621.285

1.818.810

18.488.096.353

1.625.095

16.250.950.880

814.730

6.147.385.887

8.048.082.953

100.844.137.138

Đầu năm**Số lượng****Giá trị**

3.092.140

30.921.396.477

1.805.620

18.396.292.046

980.198

9.801.677.043

1.874

18.730.464

87.096.104.030

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**b. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết**

+ Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	13.900.000	176.334.577.566	9.297.946	134.314.040.110
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	224.147	2.241.470.000	224.147	2.241.470.000
+ Công ty CP XD TL MECO Sài Gòn	420.724	4.207.240.000	420.724	4.207.240.000
+ BQL DA KĐT mới phía đông huyện Văn Giang		175.000.000.000		35.000.000.000
Cộng		357.782.287.566		176.762.768.116

c. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu				
- Đầu tư trái phiếu		47.957.500.000		48.160.400.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu				7.770.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		62.317.824.539		55.938.400.000
Cộng		109.375.324.539		111.868.800.000

14- Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí đi dãi TSCĐ		7.625.000
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	6.100.000	7.625.000
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
Cộng	6.100.000	7.625.000

15- Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	691.869.293.920	580.039.575.878
- Nợ dài hạn đến hạn trả	11.734.533.558	14.081.958.619
Cộng	703.603.827.478	594.121.534.497

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế GTGT	832.666.143	688.587.115
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế TNDN	8.689.014.150	17.585.152.879
- Thuế TNCN	37.799.875	19.137.280
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	14.705.911	14.703.911
- Các loại thuế khác	19.162.557	19.162.557
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	9.793.278.636	18.925.743.543

17- Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí phải trả	12.776.968.983	27.299.576.645
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.418.554.370	1.084.651.775
Cộng	14.195.463.353	28.384.228.420

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Bảo hiểm xã hội	650.624.578	113.940.758
- Bảo hiểm thất nghiệp	51.822.212	
- Kinh phí công đoàn	880.424.078	577.225.187
- Phải trả về cổ phần hoá	588.420.000	588.420.000
- Nhân kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	214.987.930.321	47.055.288.271
Cộng	217.359.424.189	48.334.674.236

19- Phải trả dài hạn nội bộ

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn		
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

20- Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
a- Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	150.574.107.377	197.313.773.970
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành	50.900.000.000	80.900.000.000
b- Nợ dài hạn		
- Thuế tài chính	414.461.334	1.129.329.334
- Nợ dài hạn khác		
Cộng	201.888.568.711	278.443.103.304

* Giá trị trái phiếu có thể chuyển đổi: 50.900.000.000 VND

* Thời hạn thanh toán trái phiếu: hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 31/12/2012

* Trong kỳ công ty đã thực hiện chuyển đổi 291.000 trái phiếu thành cổ phiếu với tỷ lệ 1:10.

c- Các khoản nợ thuế tài chính

	31/12/2011			Năm trước		
	Tổng khoản Liên liên thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản Liên liên thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm						
Từ 1-5 năm	1.182.353.633	303.865.633	878.488.000	812.011.213	164.364.547	627.645.666
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ sinh thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi sinh thuế chưa sử dụng
- Khoản hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chính sách tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu ngân quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	168.788.000.000	23.726.873.888	1.992.590.741		11.882.822.484	1.326.395.478		41.948.784.813	228.289.586.514
- Tổng vốn trong năm trước	200.300.000.000	141.584.365.000							341.884.365.000
- Lãi trong năm trước								70.342.288.230	70.342.288.230
- Trích lập các quỹ					2.617.203.901	2.817.205.961		(2.486.343.162)	(2.301.294.285)
- Tăng từ trái phiếu chuyển đổi	23.000.000.000								23.000.000.000
- Lỗ trong năm trước									
- Đánh giá số dư các TK có gốc ngoại tệ			(819.245.024)						(819.245.024)
- Tổng quỹ DTPT từ thuế TNDN được miễn giảm					5.872.808.614			(5.872.808.614)	
- Chia cổ tức								23.200.000.000	(23.200.000.000)
- Chia lợi nhuận cho bên hợp tác kinh doanh								4.883.034.727	(4.883.034.727)
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	184.000.000.000	169.300.016.888	881.345.717		20.772.835.958	1.945.589.425		43.835.737.529	376.341.825.128
- Tổng vốn trong kỳ								14.416.256.347	14.416.256.347
- Lãi trong kỳ								(18.161.707)	
- Tăng quỹ DTPT từ thuế TNDN được miễn giảm					60.161.347				60.161.347
- Tăng từ trái phiếu chuyển đổi	29.000.000.000								29.000.000.000
- Mua lại cổ phiếu quỹ				(73.480.388.872)					(73.480.388.872)
- Trích lập các quỹ					2.024.321.240	2.024.321.240		(5.397.284.992)	(1.348.642.492)
- Chia cổ tức 2013								26.621.485.000	(26.621.485.000)
- Đánh giá số dư các TK có gốc ngoại tệ			1.399.016.704						1.399.016.704
Số dư 31/12/2013	173.988.000.000	169.300.016.888	2.280.361.421	(73.480.388.872)	22.847.136.377	5.969.910.664		33.186.532.374	375.511.173.677

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Thặng dư vốn cổ phần

Cộng

Cuối kỳ

Đầu năm

575.100.000.000 548.000.000.000

169.300.618.000 169.300.618.000

744.400.618.000 717.300.618.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:

2.910.000 CP

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

5.480.000 CP

c- Các giao dịch về vốn đối với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Năm nay

Năm trước

548.000.000.000 145.199.530.000

29.100.000.000 490.800.070.000

575.100.000.000 545.000.000.000

26.621.485.000 25.200.000.000

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lấy kế chưa được ghi nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

d- Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.510.000	56.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.510.000	54.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.510.000	54.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.460.000	
+ Cổ phiếu phổ thông	5.460.000	
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.050.000	54.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	54.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

e- Quỹ khác của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	22.847.338.071	20.772.835.059
- Quỹ dự phòng tài chính	5.969.920.684	3.945.993.439
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	28.817.258.755	24.718.828.498

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn đầu tư của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán khác

23- Nguồn kinh phí	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	124.321.499	145.793.443

24- Tài sản thuế ngoài	Cuối kỳ	Đầu năm
-------------------------------	----------------	----------------

1- Giá trị tài sản thuế ngoài

- TSCĐ thuế ngoài

- Tài sản khác thuế ngoài

2- Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động

TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn

- Đến 1 năm

- Trên 1-5 năm

- Trên 5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Q4/2011	Q4/2010
25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	358.177.897.487	304.802.703.486
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	288.105.451.896	314.444.844.913
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.464.641.245	1.964.000.276
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	500.000.000	
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	62.657.904.556	68.473.918.297
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	62.657.904.556	68.473.918.297
+ Tổng doanh thu dự kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
	Q4/2011	Q4/2010
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	183.502.500	
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại	183.502.500	
+ Thuế xuất khẩu		
	Q4/2011	Q4/2010
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	357.594.404.997	304.882.763.486
Trong đó: - Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	287.971.859.196	314.444.844.913
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	6.464.641.245	1.964.000.276
+ Doanh thu thuần kinh doanh BĐS	500.000.000	
+ Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	62.657.904.556	68.473.918.297
	Q4/2011	Q4/2010
28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	277.077.880.922	298.063.845.223
- Giá vốn xây dựng	72.071.216.961	66.645.102.848
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.245.699.538	2.305.543.118
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	720.000.000	
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	353.114.586.432	358.002.491.189
29- Doanh thu hoạt động tài chính	Q4/2011	Q4/2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.757.010.220	6.994.897.587
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	2.006.375.000	2.047.250.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi kinh doanh chứng khoán		286.165.819
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm	666.840.032	2.150.633.892
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	11.523.225.252	11.478.748.234
30- Chi phí tài chính	Q4/2011	Q4/2010
- Lãi dẫn vay	20.858.295.718	21.428.060.960
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		449.560.571
- Lỗ bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	485.066.744	255.051.514
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		557.880.795
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(7.501.035.400)	
- Chi phí tài chính khác		9.447.038
Cộng	13.842.337.062	22.899.970.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

21- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Q4/2011	Q4/2010
Thuế suất thuế TNDN là 25%		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	707.076.172	11.414.245.943
Trong đó		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản		
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	707.076.172	11.414.245.943
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(553.871.277)	
+ Các khoản điều chỉnh tăng	53.148.000	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(207.019.277)	
- Tổng thu nhập chịu thuế	453.204.895	11.414.245.943
- Thuế TNDN dự tính phải nộp	113.301.224	2.053.561.486
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm		1.426.780.743
- Thuế TNDN phải nộp	113.301.224	1.426.780.743

32. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 52)	Q4/2011	Q4/2010
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		

VIII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Kỳ này	Kỳ trước
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:	29.130.000.000	20.000.000.000
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền		
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ		
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

VIII. Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

6- Thông tin về hoạt động liên tục

7- Những thông tin khác:

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2012

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

